TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.
-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trịnh Minh Chữ – Thư ký TAND huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đình H, sinh năm 1993 .
Nơi cư trú: Tuấn S, xã Biên S, huyện Lục N, Bắc Giang. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1996
Nơi cư trú: Thôn Trung Đ, xã Cẩm Ch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 và bản tự khai nguyên đơn là anh Vũ Đình H trình bày: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại quê anh UBND xã Biên S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang ngày 04/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 5/2016, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó

khăn và anh có nghe nói chị ngoại tình. Hai bên không nói chuyện được với nhau, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Trung Đ, xã Cẩm Ch, huyện C để sống. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 5/2016 đến nay, tình cảm không còn nên anh đề nghị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho chị L, nhưng anh L vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của chị Phạm Thị L là bà Trương Thị P – mẹ đẻ chị L cho biết: Chị L và anh H kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên S, huyện Lục N, Bắc Giang quê của anh H. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng bà không rõ cụ thể thế nào, chị L đã về nhà bà để sinh sống. Khi anh H làm đơn xin ly hôn cũng đến gia đình và gặp chị L để trao đổi. Do chị L đi làm không có nhà, bà P đã nhận được giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án và cam kết giao lại cho chị L. Chị L gọi điện về chị thống nhất ly hôn với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Chị L cũng không cung cấp địa chỉ nơi mình đang làm việc.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh H ly hôn chị L.

Về con chung: Anh H và chị L không có con chung

Về tài sản, công nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Vũ Đình H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn chị Phạm Thị L trú tại: Thôn Trung Đ, xã Cẩm Ch, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Phạm Thị L hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã Cẩm Ch, chị L có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chị đang đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng chị vẫn về quê, chị L đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn Trung Đ, xã Cẩm Ch, huyện C, Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị L đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS, Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt chị L. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa anh H và chị L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế gia đình, dẫn đến tình cảm không còn, ly thân từ tháng 5/2016 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của

anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh H và chị L không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, điểm b khoản 2 điều 227, điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51, điều 56, điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Vũ Đình H. Xử cho anh Vũ Đình H được ly hôn chị Phạm Thị L.

2.Về con chung: Anh H và chị L không có con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003269, ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã Cẩm Ch.
- UBND xã Biên S.
- Lưu hồ sơ vụ án.